

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 /9/2019

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Loan – Bà Mai Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2019TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, khu 3, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, khu 3, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn có xác nhận của khu phố 3, phường CT, thành phố C ngày 22/02/2019 và đơn khởi kiện bổ xung ngày 22/02/2019 và trong các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2003, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau là một năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Tổ 6, khu 3, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, tổ dân khu phố cũng như hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân hơn hai năm nay, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm của chị H dành cho anh T không còn. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xem xét và giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011. Tại đơn ly hôn và tại bản khai, chị Nguyễn Thị Thu H xin được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Anh T2 đến tuổi trưởng thành và giao con chung Nguyễn Anh T1 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T đều vắng mặt không có quan điểm về con chung nên chị H thay đổi quan điểm, khi vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Nguyễn Anh T2 và Nguyễn Anh T1 đến tuổi trưởng thành, hiện nay chị kinh doanh tự do thu nhập bình quân từ 6 đến 7 triệu đồng/ tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi con nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T đều vắng không có lý do nên không có quan điểm gì trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 26/6/2019 có sự tham gia của ông Phạm Xuân Thanh là trưởng khu phố 3, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có nội dung như sau: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, sinh sống tại Tổ 6, khu 3, phường CT, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trong cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh T thì tổ dân khu phố thấy hai vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn, tổ dân khu phố có hòa giải để vợ chồng chị H, anh T đoàn tụ nhưng không đạt kết quả, hai vợ chồng vẫn cương quyết xin ly hôn, hiện tại chị H, anh T đang sống ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, theo nguyện vọng của nguyên đơn là xin được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Nguyễn Anh T2 và Nguyễn Anh T1 đến tuổi trưởng thành và hai con chung của chị H, anh T đều có nguyện vọng là khi chị H, anh T ly hôn thì muốn được ở cùng với mẹ. Xét điều kiện nuôi con chung của chị H là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp và hòa giải cho các đương sự nhiều lần nhưng đều không thành do bị đơn Nguyễn Văn T không có mặt, nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 23/8/2019 anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị H trình bày là do vợ chồng trong cuộc sống gia đình, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tH xuyên cãi chửi nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, tổ dân khu phố cũng như hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân hơn hai năm nay, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm của chị H dành cho anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thuyết phục và khuyên giải chị H để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, ngoài ra theo biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án ngày 26/6/2019, tổ dân, khu phố cung cấp thì có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, tổ dân, khu phố đã khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện tại chị H, anh T đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011. Tại đơn ly hôn và tại bản khai, chị Nguyễn Thị Thu H xin được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Anh T2 đến tuổi trưởng thành và giao con chung Nguyễn Anh T1 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T không chấp hành pháp luật, không đến tham gia tố tụng nên không có quan điểm về nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, trong khi đó tại phiên tòa chị H thay đổi quan điểm muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Anh T2 và Nguyễn Anh T1 đến tuổi trưởng thành và các con chung của chị H, anh T đều có nguyện vọng là muốn được ở cùng với mẹ. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H là chính đáng và chị H cũng có thu nhập đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao hai con chung là Nguyễn Anh T2 và Nguyễn Anh T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 461 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004457 ngày 25/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các đương sự
- UBND phường CT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Trọng